

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/HS-ST

Ngày: 11-10-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Tiến Dũng.

Ông Thạch Phới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Kim Hua, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2024/TLST-HS, ngày 13 tháng 9 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo :

Phạm Ngọc O, sinh ngày 18/02/1976, tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi ĐKHTTT: khu dân cư S, thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Chỗ ở hiện nay: B11/9B, tổ D, ấp B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm T (chết) và bà Phan Thị T1; Bị cáo có vợ là chị Nguyễn Thị C và có 01 người con ruột; Tiền án: Không có; Tiền sự: Không có; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 31/5/2024 cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm G, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Văn T2: Luật sư Nguyễn Việt C1 - Công ty L2 thuộc đoàn Luật sư tỉnh S (vắng mặt).

Địa chỉ: 4, (hẻm B), đường C, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Nguyễn Văn Vũ L, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long;

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh;

2. Bà Thạch Thị H, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh;

3. Bà Huỳnh Thị C2, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long;

4. Ông Nguyễn Minh T3, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 6/2020, do có nhu cầu mua lợn giống về nuôi bán lợn thịt nên bị cáo Phạm Ngọc O, sinh ngày 18/01/1976, ngụ B, tổ D, ấp B, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh, tạm trú tại: ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, tìm địa chỉ bán lợn giống trên mạng xã hội YOUTUBE và liên hệ được với ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1976 thường trú khóm G, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu để mua lợn giống, bị cáo O và T2 đã trực tiếp thỏa thuận, thống nhất thiết lập hợp đồng mua, bán 12.000 (mười hai nghìn) con lợn giống với tổng giá trị giao dịch là 180.000.000đồng. Nội dung hợp đồng là T2 bao tiêu về kỹ thuật nuôi và tiêu thụ khi lợn trưởng thành. Sau khi thiết lập hợp đồng thì T2 giao con giống cho phía bị cáo O 9.800 (chín nghìn tám trăm) con, không đủ số lượng nên bị cáo O chỉ trả tiền con giống đã mua là 150.000.000đồng. Bị cáo O nuôi lợn con giống được khoảng 05 (năm) ngày thì lợn bị chết số lượng lớn, bị cáo O liên lạc cho T2 để hỗ trợ kỹ thuật nhưng không liên lạc được. Từ đó, bị cáo O cho rằng T2 gian dối trong việc bán lợn giống, cung cấp lợn giống kém chất lượng dẫn đến lợn bị chết hàng loạt.

Vào ngày 05/7/2020, bị cáo O nhờ Nguyễn Văn P, sinh năm 1983 thường trú tại ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh tìm cách liên hệ với T2 để bị cáo O gặp T2 và yêu cầu T2 giải quyết vấn đề lợn bị chết thì P đồng ý. Phương sử dụng mạng xã hội ZALO liên lạc với T2 và cho biết đang có nhu cầu mua lợn giống và nhờ T2 đến chỗ nuôi lợn của mình để hỗ trợ kỹ thuật và ký kết hợp đồng mua con giống thì T2 đồng ý, hẹn gặp P tại ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh rồi Phương sẽ dẫn T2 vào nơi P nuôi lợn.

Đến khoảng 14 giờ 30 phút ngày 06/7/2020, Nguyễn Văn T2 một mình điều khiển xe ô tô hiệu TOYOTA FORTUNER màu trắng biển số 94A – 033.93 trên Quốc lộ E đến dừng đối diện quán nước giải khát “MAI LY” thuộc địa phận ấp G, xã H, huyện C thì T2 liên hệ với P để gặp P. Sau đó, P điện thoại liên hệ với bị

cáo O (đang uống cà phê tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long) và cho bị cáo O biết địa điểm T2 đang đợi, bị cáo O điều khiển xe mô tô biển số 59P2 – 729.98 đến ấp G, xã H để gặp T2. Trên đường đi, đến đoạn thuộc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh bị cáo O nhặt 01 (một) thanh gỗ dài 40,5cm ở ven đường mang theo mục đích để đánh gây thương tích cho T2. Khi bị cáo đến ấp G, xã H thì thấy xe ô tô của T2 đang đỗ lề phải trên đường Q, hướng từ Thông H1 về thị trấn C, bị cáo điều khiển xe mô tô đến dừng chặn trước đầu xe ô tô của T2 và cầm cây gỗ đi đến bên cửa ghế lái, lúc này T2 thấy bị cáo nên ấn kính cửa phía bên ghế lái đóng lại thì bị cáo dùng thanh gỗ chặn kính lái rồi dùng thanh gỗ đánh trúng vào tay trái của T2 01 (một) cái và liên tục chửi, yêu cầu T2 bước xuống xe. Khi T2 vừa bước xuống xe, bị cáo O giật lấy chìa khóa xe ô tô của T2 cất giữ và liên tục chửi T2 “Đu mẹ, mày lường gạt tao, lươn chết gần hết rồi kìa” rồi bị cáo dùng thanh gỗ đánh trúng vào phần mu bàn tay phải của T2 01 (một) cái, T2 trả lời là “có gì từ từ nói”, bị cáo tiếp tục chửi T2 với nội dung cho rằng lươn giống mà T2 bán cho bị cáo bị chết hàng loạt mà bị cáo không liên lạc được với T2. Sau đó cả hai di chuyển ra phía sau xe ô tô của T2 để không cản trở giao thông. Lúc này bị cáo yêu cầu T2 về nhà của Huỳnh Thị C2, sinh năm 1977 (vợ bị cáo) thuộc ấp G, xã T để xem tình trạng lươn bị chết nhưng T2 không đồng ý và lấy điện thoại di động để điện thoại liên lạc cho người khác. Thấy vậy, bị cáo không cho T2 liên lạc với ai cả và yêu cầu T2 đưa điện thoại của T2 cho bị cáo cất giữ thì T2 đồng ý. Sau đó, bị cáo tiếp tục dùng cây gỗ đánh trúng khuỷu tay trái của T2 01 (một) cái và yêu cầu T2 phải đi về nhà chị C2 nhưng T2 không đồng ý nên bị cáo điện thoại cho Nguyễn Văn Vũ L (em vợ bị cáo), sinh năm 1980 thường trú ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long đến để hỗ trợ bị cáo đưa T2 về nhà chị C2 thì L đồng ý. L điều khiển xe mô tô mang biển số 64F1 - 162.95 đậu phía sau xe ô tô của T2, bị cáo O thấy trên xe mô tô của L có chở theo cây búa (loại búa bổ củi) dài 42,5cm nên bị cáo lấy cây búa cầm trên tay quơ qua lại dưới chân của T2 và hăm dọa nếu T2 không chịu lên xe về nhà chị C2 thì bị cáo sẽ chém T2, lúc này L cũng kêu T2 lên xe cho L chở đi về nhà chị C2 thì T2 đồng ý và lên xe cho L điều khiển chở T2 đến nhà chị C2. Khi thấy T2 lên xe thì bị cáo đến nói chuyện với bà Thạch Thị H, sinh năm: 1961 cư trú tại ấp G, xã H, huyện C là chủ quán nước giải khát Mai L1 và nhờ bà H trông giữ xe ô tô của T2. Sau đó, bị cáo để cây gỗ và búa lên xe mô tô của bị cáo và điều khiển về nhà vợ tại ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Khi L chở T2 đến nhà chị C2 thì L, chị C2 và T2 ra phía sau bể nuôi lươn của gia đình chị C2 để xem tình trạng lươn, bị cáo cũng về đến, T2 kêu L đi mua thuốc về để pha xử lý bể nuôi lươn còn T2 và chị C2 ở ngoài bể nuôi lươn để xem lươn. Khi xử lý bể lươn xong, bị cáo kêu T2 vào nhà để nói chuyện, khi T2 vừa vào bên trong nhà sau thì bị cáo cầm cây mác dài 42cm ném xuống nền nhà và hăm dọa nếu T2 không giải quyết việc bồi thường tiền mua lươn giống thì bị cáo sẽ đâm T2, T2 đồng ý và thỏa thuận với gia đình O là sẽ bồi thường số tiền 140.000.000đồng và hôm sau sẽ cho người xuống bắt số lươn giống mà bị cáo đang nuôi đem về, hiện tại T2 không có tiền mặt nên bị cáo yêu cầu T2 chuyển tiền qua tài khoản và T2 không đồng ý vì không có nhân viên chuyển tiền, T2 lấy ra 18.000.000đồng để bồi thường trước và xin đi lấy xe ô tô về mang tiền đến trả

cho bị cáo nhưng bị cáo không đồng ý nên T2 thỏa thuận để xe ô tô của T2 cho bị cáo quản lý, T2 sẽ về lấy tiền mang đến bồi thường cho bị cáo sau đó sẽ bắt số lươn giống còn lại và lấy xe ô tô của T2 về thì bị cáo đồng ý. Bị cáo O điều khiển xe mô tô đến gặp Nguyễn Minh T3 (tên thường gọi là T4), sinh năm: 1990 cư trú tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long và nhờ T3 đến ấp G, xã H điều khiển xe ô tô của T2 về gửi ở ấp C, xã T, huyện T. Khi bị cáo chở T3 đến nơi đỗ xe của T2, bị cáo đưa chìa khóa xe của T2 cho T3 mở cửa vào bên trong xe tra chìa vào ổ khóa nhưng chưa kịp nổ máy thì lực lượng Công an đến làm việc, bị cáo điện thoại cho L chở T2 đến ấp G, xã H để giải quyết, Công an huyện C tiến hành mời T2 cùng bị cáo O làm việc để xác minh, làm rõ.

Qua làm việc ông Nguyễn Văn T2 yêu cầu xử lý bị cáo Phạm Ngọc O về các hành vi: Cố ý gây thương tích; Bắt, giữ người trái pháp luật; Cưỡng đoạt tài sản và Cướp giết tài sản. Căn cứ vào những tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với vụ “Bắt, giữ người trái pháp luật” và có Công văn trả lời cho ông T2 xác định sự việc xảy ra vào ngày 06/7/2020 tại ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh nhưng sự việc đó không có dấu hiệu của tội phạm “Cướp giết tài sản” và “Cưỡng đoạt tài sản”.

Vào ngày 15/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C có Công văn số 351/ĐCSHS-KTMT gửi đến Trung tâm P1 – Sở Y yêu cầu phân hóa tỷ lệ thương tích trong Bản kết luận giám định giám định pháp y số 120/20/TgT ngày 02/11/2020. Ngày 19/7/2020, Trung tâm P1 – Sở Y có Công văn số 12/CV/TTPY xác định như sau:

- + Đốt tai trái mức độ nhẹ/Thủng màng nhĩ trái. Tỷ lệ 3% (ba phần trăm).
- + Sẹo nhỏ mu bàn tay phải. Tỷ lệ 1% (một phần trăm).
- + Cơ chế hình thành vết thương do ngoại lực tác động trực tiếp, vật gây ra thương tích là vật cứng có cạnh, hướng từ trên xuống.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Nguyễn Văn T2 là 4% (bốn phần trăm).

Đối với dấu hiệu “Đốt tai trái mức độ nhẹ/thủng màng nhĩ trái”, cơ chế hình thành vết thương (theo lời khai của Nguyễn Văn T2, nguyên nhân thủng màng nhĩ trái do bị cáo Phạm Ngọc O dùng tay đánh trúng vào vùng mặt bên trái, hướng từ trái sang phải (theo hướng mô tả của Nguyễn Văn T2) là: Do ngoại lực tác động trực tiếp, vật gây ra thương tích là chấn thương do áp lực, hướng từ ngoài vào trong.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chỉ đủ tài liệu căn cứ xác định bị cáo O dùng cây gỗ cứng, chắt đánh gây thương tích “sẹo nhỏ mu bàn tay phải” là 1% (một phần trăm), Không đủ tài liệu chứng cứ xác định bị cáo O gây thương tích cho T2 dẫn đến “đốt tai trái mức độ nhẹ/thủng màng nhĩ trái” là 3% (ba phần trăm).

Vào ngày 23/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự “Cố ý gây thương tích”. Đến ngày 13/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định khởi tố bị can đối với Phạm Ngọc O về hành vi “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo Phạm Ngọc O thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đối với Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn Vũ L không biết trước việc bị cáo Phạm Ngọc O thực hiện hành vi gây thương tích cho ông Nguyễn Văn T2. Hành vi của Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn Vũ L không phải là hành vi giúp sức cho bị cáo O nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không xem xét xử lý.

Vật chứng, tài liệu, đồ vật thu giữ gồm có:

Cơ quan điều tra tạm giữ: Bị cáo Phạm Ngọc O giao nộp 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE X, màu trắng, loại cảm ứng, đã qua sử dụng; 01 (một) cây búa có tổng chiều dài 42,5cm, cán búa bằng kim loại tròn dài 35,4cm, đường kính 3,5cm, lưỡi búa bằng kim loại dài 14cm, nơi rộng nhất 08cm, nơi hẹp nhất 05cm, đã qua sử dụng; 01 (một) thanh gỗ dài 40,5cm, nơi rộng nhất 10,5cm, nơi hẹp nhất 06cm, bề dày thanh gỗ 4,5cm và 01 (một) cây móc có tổng chiều dài 42cm, cán móc bằng gỗ dài 18,5cm được lồng khung kim loại, lưỡi móc bằng kim loại dài 23,5cm, nơi rộng nhất 4,5cm, có mũi nhọn và cạnh sắc (bén), đã qua sử dụng.

Cơ quan điều tra đã xử lý: Trao trả 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE X, màu trắng, loại cảm ứng, đã qua sử dụng cho ông Nguyễn Văn T2.

Hiện đang quản lý: 01 (một) cây búa có tổng chiều dài 42,5cm; cán búa bằng kim loại tròn có chiều dài 35,4cm, đường kính 3,5cm; lưỡi búa bằng kim loại dài 14cm, nơi rộng nhất 08cm, nơi hẹp nhất 05cm, đã qua sử dụng.

01 (một) thanh gỗ dài 40,5cm, nơi rộng nhất 10,5cm, nơi hẹp nhất 06cm, bề dày thanh gỗ 4,5cm.

01 (một) cây móc có tổng chiều dài 42cm, cán móc bằng gỗ dài 18,5cm được lồng khung kim loại, lưỡi móc bằng kim loại dài 23,5cm, nơi rộng nhất 4,5cm, có mũi nhọn và cạnh sắc (bén), đã qua sử dụng.

Tại Cáo trạng số: 43/CT-VKS-HS ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc O về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự

Phần tranh luận Vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên như quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 38; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc O bằng thời gian tam giam từ ngày 31/5/2024 đến ngày xét xử là 04 tháng 14 ngày tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Đề nghị trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn T2 có đơn yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm sức khỏe tổng số tiền đề nghị bồi

thường 164.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền chi phí điều trị với tổng số tiền là 1.726.570 đồng. Bị cáo tự nguyện đồng ý bồi thường thiệt hại sức khỏe cho bị hại ông T2 với số tiền 1.726.570 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận mức bồi thường do bị cáo và bị hại tự nguyện thỏa thuận; còn các vấn đề khác bị hại không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) thanh gỗ dài 40,5cm, nơi rộng nhất 10,5cm, nơi hẹp nhất 06cm, bề dày thanh gỗ 4,5cm và 01 (một) cây mào có tổng chiều dài 42cm, cán mào bằng gỗ dài 18,5cm được lồng khung kim loại, lưỡi mào bằng kim loại dài 23,5cm, nơi rộng nhất 4,5cm, có mũi nhọn và cạnh sắc (bén), đã qua sử dụng.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE X, màu trắng, loại cảm ứng, đã qua sử dụng của ông Nguyễn Văn T2. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra quyết định xử lý vật chứng trả cho ông Nguyễn Văn T2 xong nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn Vũ L 01 (một) cây búa có tổng chiều dài 42,5cm; cán búa bằng kim loại tròn có chiều dài 35,4cm, đường kính 3,5cm; lưỡi búa bằng kim loại dài 14cm, nơi rộng nhất 08cm, nơi hẹp nhất 05cm, đã qua sử dụng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã ăn năn, hối cải, bị cáo biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo về lo cho vợ con bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại vắng mặt. Người làm chứng ông Nguyễn Văn P, bà Thạch Thị H, bà Huỳnh Thị C2, ông Nguyễn Minh T3 đã được Tòa án triệu tập tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, ông Nguyễn Văn P, bà Thạch Thị H, bà Huỳnh Thị C2, ông Nguyễn Minh T3 đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người trên theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Phạm Ngọc O thừa nhận đã có hành vi cố ý gây thương tích cho anh Nguyễn Văn T2 vào ngày 06/7/2020 đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Phạm Ngọc O.

[3] Xét lời khai của Phạm Ngọc O tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường... Do đó đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 06/7/2020 trên quốc lộ E đối diện quán nước giải khát MAI LY thuộc địa phận ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, trong lúc gặp được Nguyễn Văn T2, bị cáo Phạm Ngọc O có lời lẽ thô tục chửi T2 và dùng đoạn gỗ (được xác định là hung khí nguy hiểm) đánh vào vùng mu bàn tay phải của Nguyễn Văn T2 gây thương tích 01% (một phần trăm nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền được sống an toàn, quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng của bị hại; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Chỉ vì giữa bị cáo với bị hại có tranh chấp trong giao dịch dân sự về hợp đồng mua bán với nhau, lẽ ra bị cáo nên giải quyết tranh chấp bằng sự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì bị cáo có quyền khởi kiện để tranh chấp hợp đồng dân sự. Tuy nhiên, bị cáo đã không kiềm chế được mà thích giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực, hậu quả là gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ 1%. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, mục đích phạm tội của bị cáo là chỉ muốn bị hại đến nhà của bị cáo để xem xét giải quyết hỗ trợ việc nuôi lợn giống do bị cáo đặt mua lợn giống của bị hại nhưng lợn bị chết. Bị cáo đã nhận thức đầy đủ về hành vi sai trái của mình, thời gian tạm giam cũng đã đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử nghĩ cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[5] Về hành vi tiến hành tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè: Các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đều đúng với quy định pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì đối với các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[6] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.
- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy cần áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo như phân tích ở trên để làm căn cứ quyết định hình phạt đối với bị cáo. Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Do bị cáo O có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, Tòa án áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo O. Tính từ ngày bị cáo O bị bắt tạm giam đến ngày xét xử được 04 (bốn) tháng 14 (mười bốn) ngày. Thời gian này cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt cho gia đình và xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử trả tự do cho bị cáo Phạm Ngọc O tại phiên tòa.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn T2 yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm sức khỏe: chi phí đã chữa trị là 10.000.000 đồng, chi phí dự kiến điều trị mổ vớ và màng nhĩ trái 20.000.000 đồng, mức yêu cầu bồi thường 30.000.000 đồng; Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút (nếu có) là thu nhập bị thiệt hại 06 tháng, mỗi tháng 20.000.000 đồng, tổng cộng là 120.000.000 đồng, Chi phí đi lại từ Bạc Liêu đến Cầu K và ngược lại là 07 lần x 2.000.000 đồng = 14.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền đề nghị bồi thường 164.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị hại chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị với tổng số tiền là 1.726.570 đồng. Các yêu cầu còn lại như chi phí dự kiến điều trị mổ vớ và màng nhĩ trái; thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút bị thiệt hại 06 tháng; chi phí đi lại từ Bạc Liêu đến Cầu K và ngược lại là 07 lần thì bị hại không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Đối với bị cáo thống nhất bồi thường chi phí điều trị cho bị hại với số tiền bị hại yêu cầu là 1.726.570 đồng nên chấp nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) thanh gỗ dài 40,5cm, nơi rộng nhất 10,5cm, nơi hẹp nhất 06cm, bề dày thanh gỗ 4,5cm và 01 (một) cây mác có tổng chiều dài 42cm, cán mác bằng gỗ dài 18,5cm được lồng khung kim loại, lưỡi mác bằng kim loại dài 23,5cm, nơi rộng nhất 4,5cm, có mũi nhọn và cạnh sắc (bén), đã qua sử dụng.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE X, màu trắng, loại cảm ứng, đã qua sử dụng của ông Nguyễn Văn T2. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra quyết định xử lý vật chứng trả cho ông Nguyễn Văn T2 xong nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn Vũ L 01 (một) cây búa có tổng chiều dài 42,5cm; cán búa bằng kim loại tròn có chiều dài 35,4cm, đường kính 3,5cm; lưỡi búa bằng kim loại dài 14cm, nơi rộng nhất 08cm, nơi hẹp nhất 05cm, đã qua sử dụng.

[9] Đối với hành vi bắt giữ người trái phép; cưỡng đoạt tài sản và cướp giật tài sản do Cơ quan Công an điều tra huyện C có quyết định không khởi tố nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc O phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 38; điểm i, s khoản 1, Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc O 04 (*bốn*) tháng 14 (*mười bốn*) ngày tù. Thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam (Từ ngày 31/5/2024 đến ngày 11/10/2024). Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Phạm Ngọc O tại phiên tòa.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều Điều 584, 590 và Điều 591 Bộ luật dân sự 2015.

Bị cáo Phạm Ngọc O có trách nhiệm trả cho bị hại Nguyễn Văn T2 số tiền điều trị là 1.726.570 đồng. Ông T2 không yêu cầu các khoản bồi thường khác gồm: Chi phí dự kiến điều trị mổ vá màng nhĩ trái; thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút là thu nhập bị thiệt hại 06 tháng; chi phí đi lại từ Bạc Liêu đến Cầu K và ngược lại là 07 lần nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) thanh gỗ dài 40,5cm, nơi rộng nhất 10,5cm, nơi hẹp nhất 06cm, bề dày thanh gỗ 4,5cm và 01 (một) cây mác có tổng chiều dài 42cm, cán mác bằng gỗ dài 18,5cm được lồng khung kim loại, lưỡi mác bằng kim loại dài 23,5cm, nơi rộng nhất 4,5cm, có mũi nhọn và cạnh sắc (bén), đã qua sử dụng.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE X, màu trắng, loại cảm ứng, đã qua sử dụng của ông Nguyễn Văn T2. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra quyết định xử lý vật chứng trả cho ông Nguyễn Văn T2 xong nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn Vũ L 01 (một) cây búa có tổng chiều dài 42,5cm; cán búa bằng kim loại tròn có chiều dài 35,4cm, đường kính 3,5cm; lưỡi búa bằng kim loại dài 14cm, nơi rộng nhất 08cm, nơi hẹp nhất 05cm, đã qua sử dụng.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Ngọc O phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Phạm Ngọc O phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cầu Kè;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Công an huyện Cầu Kè;
- Bị cáo;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Ai